

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05/6/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Trúc M, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp 6, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2020 và ý kiến trình bày của nguyên đơn Trần Quốc T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bà Lâm Thị Trúc M tự nguyện ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; sau khi kết hôn vợ chồng có đời sống chung hạnh phúc trong thời gian trước tháng 01 năm 2019, sau thời điểm này phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng nên vợ chồng không còn sống chung gia đình.

Do vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn hôn nhân vì không còn tình nghĩa vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án cho các đương sự được ly hôn; vợ chồng các đương sự chưa có con, không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp nên không khởi kiện.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa bị đơn Lâm Thị Trúc M trình bày ý kiến:*

Bị đơn thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung của vợ chồng là đúng sự thật;

Vợ chồng các đương sự phát sinh mâu thuẫn cuối năm 2019, bị đơn và nguyên đơn xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa vợ và chồng do vợ chồng chưa có sinh con, tranh

chấp về tài sản riêng nên bị đơn đã sống ly thân. Hiện nay vợ chồng gặp mặt trao đổi ý kiến thì phát sinh thêm mâu thuẫn do có nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến của các bên.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn đồng ý ly hôn nếu nguyên đơn trả lại tài sản riêng của bị đơn với số tiền 120.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tại các Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng ông T, bà M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đã ly thân không còn sống chung. Hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T được ly hôn bà Lâm Thị Trúc M; về con không có; về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Trần Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2018, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ý kiến trình bày của vợ chồng các đương sự là tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Đây là chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân của ông T và bà M phát sinh trong thời gian Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu

lực thi hành. Hôn nhân của ông T và bà M phù hợp quy định pháp luật được coi là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Các đương sự ông T, bà M có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung từ tháng 01 năm 2019 đến nay là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo ý kiến của nguyên đơn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự chưa có con, không có nợ chung, không có khởi kiện về tài chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề này.

Về ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả lại tài sản riêng của bị đơn là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng): Do bị đơn không làm đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không thụ lý giải quyết vấn đề này trong cùng vụ án. Sau này bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T là phù hợp với các chứng cứ vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T.

Về hôn nhân: Ông Trần Quốc T được ly hôn đối với bà Lâm Thị Trúc M

Về các vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm của ông Trần Quốc T và bà Lâm Thị Trúc M trong thời kỳ hôn nhân khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình khởi kiện yêu cầu ly hôn (tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn Trần Quốc T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005559 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

3. Ông Trần Quốc T, bà Lâm Thị Trúc M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ cơ quan (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính**